

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2025/DS-PT
Ngày: 06 – 5 – 2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phan Công Trí

Các Thẩm phán:

- Bà Huỳnh Thị Kiều Anh.
- Bà Lê Thị Thuý Linh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2025/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

- Ông **Phan Văn L**, sinh năm 1969.
- Ông **Phan Văn P**, sinh năm 1957.
- Bà **Phan Mỹ D**, sinh năm 1968.
- Ông **Phan Văn H**, sinh năm 1965.
- Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Ông **Phan Văn Q**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phan Văn P, ông Phan Văn H, bà

*Phan Mỹ D, bà Phan Thị T, ông Phan Văn Q: Ông **Phan Văn L**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (văn bản ủy quyền ngày 11/6/2021) (có mặt).*

2. *Bị đơn: Anh **Phương Cao B**, sinh năm 1978 (có mặt).*

Địa chỉ: Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông **Trần Văn D1**, sinh năm 1945 (có mặt).

3.2. Chị **Nguyễn Kim O**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

3.3. Bà **Phương Thị H1**, sinh năm 1950 (vắng mặt)

3.4. Bà **Phạm Thị Thu T1** (Phan Thị Thanh T2), sinh năm 1971 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

3.5. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Trụ sở: Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Minh T3** - Chức vụ: Chủ tịch. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Thanh T4** - Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G (văn bản ủy quyền ngày 19/8/2024).

- *Người kháng cáo: Ông Phan Văn L, là nguyên đơn.*

- *Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn còn lại, do ông Phan Văn L trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của cha ông Lượng tên Phan Văn T5 (cụ T5 chết ngày 13/10/2007), sau khi cha và mẹ ông L chết thì tất cả các anh chị em trong gia đình đều thống nhất ủy quyền cho ông L toàn bộ phần đất này. Đối với đất anh B có được do ông Phan Văn H (em ruột của ông L) bán cho anh B, bán năm nào không nhớ, bán ngang 07m dài bao nhiêu không nhớ, sau khi chuyển nhượng thì anh B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với đất tranh chấp trước đây là đất trống nhưng do ông H là người quản lý sử dụng. Đến khi ông H chuyển nhượng cho anh B thì chỉ chuyển nhượng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần ngoài giấy là không có chuyển nhượng. Đến ngày 10/4/2020, anh B đổ đất để cất nhà và lần qua phần đất hiện đang có tranh chấp thì ông L có ra ngăn cản, đến ngày 01/11/2020, anh B vẫn tiếp tục đổ đất và ông L có báo với chính quyền địa phương. Ngày 17/12/2020, anh B cho xe cạp bê tông đóng cọc để xây nhà, đến ngày 10/01/2021, anh B tiếp tục xây dựng và gia đình có ngăn cản nhưng anh B vẫn tiếp tục nên hiện trạng đất tranh chấp bây giờ có nhà của anh B.

Nay, ông L yêu cầu vợ chồng anh B trả lại diện tích theo đo đạc thực tế là 50,8m² đất tại ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu bồi thường thiệt hại 5.500.000đ do vợ chồng anh B tháo dỡ căn chòi (do ông L dựng chòi trên đất tranh chấp) để ngăn chặn chờ giải quyết.

Theo bị đơn anh Phương Cao B trình bày:

Nguồn gốc đất anh B có được do vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh N vào năm 2017, chuyển nhượng diện tích ngang giáp Quốc lộ A là 07m dài giáp ranh đất của ông Trần Văn D1, bên cạnh đó khoảng năm 2008 – 2009 vợ chồng anh B có nhận chuyển nhượng của ông Trương Minh H2 ngang 4,5m dài đến ranh đất của ông Trần Văn D1.

Đất ông N có được do nhận chuyển nhượng của ông Phan Văn H (con ông Phan Văn T5) chuyển nhượng năm 2009. Đất ông H2 có được do ông H2 nhận chuyển nhượng của gia đình ông Phan Văn T5 (cha của ông Phan Văn L). Khi chuyển nhượng có làm giấy tay và hiện tại đất đã chuyển tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh B.

Ngoài ra, năm 2018 vợ chồng anh B có nhận chuyển nhượng đất của ông Trần Văn D1 phần phía sau hậu giáp ranh với đất mà trước đây vợ chồng anh B mua của ông N và ông H2 bề ngang khoảng 17m. Nhưng với phần đất mua của ông D1 vợ chồng anh B chưa được cấp giấy. Sau khi mua thì vợ chồng anh B sử dụng để cất nhà để ở. Đến năm 2019, ông L cho rằng đất giáp ranh với ông Trần Văn D1 là còn của gia đình ông L là hơn 01m, từ đó anh B không đồng ý và tranh chấp cho đến bây giờ

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 5.500.000 đồng mà ông L cho rằng vợ chồng anh B tháo dỡ căn nhà mà ông L ngăn chặn chờ giải quyết thì anh B không đồng ý, do ông L tự ý xây dựng trên đất của anh.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D1, bà Phương Thị H1 trình bày:

Trước đây vợ chồng ông D1 có bán cho vợ chồng anh B phần đất diện tích ngang khoảng 17-18m, dài hơn 10m, vị trí bán hướng Bắc, Đ, T6 đều giáp đất ông D1. Hướng Nam giáp đất Huỳnh N, con cụ T5 tên H và đất anh B, bán vào thời gian nào không nhớ. Khi bán có đo đạc, có làm giấy tay nhưng chưa tách sổ.

Về phần đất tranh chấp trước đây giữa đất ông D1 và đất cụ T5 có ranh giới là cặm trụ đá, hàng dừa và kéo lưới B40, thời gian sau trước khi cụ T5 chết thì đã chia hết cho các con cụ T5. Lý do phát sinh tranh chấp giữa ông L và anh B là do ông L cho rằng đất của cha ông L (cụ T5) vẫn còn 03m nên ông L mới yêu cầu. Nhưng thực tế là đất của ông L yêu cầu là đất ông D1 đã sử dụng từ trước đây cho đến nay.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Kim O trình bày: Chị O thống nhất với lời trình bày của anh B về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất và không có ý kiến bổ sung.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu T1 (Phan Thị Thanh T2) trình bày: Trong quá trình Toà án nhân dân thị xã Giá Rai thụ lý giải quyết vụ án có lấy lời khai và bà trình bày, bà T2 thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn L về nguồn gốc đất cũng như quá trình tranh chấp giữa các bên, cũng như đối với yêu cầu vợ chồng anh B bồi thường số tiền 5.500.000 đồng. Nhưng sau đó, do Toà án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu ghi không đúng họ tên của bà nên bà từ chối nhận văn bản tố tụng của Toà án.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị xã G trình bày: Theo yêu cầu của ông Phan Văn L có yêu cầu ông Phương Cao B giao trả phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 50,8m² đất tại ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Theo Công văn số 876/CV-CNVPĐKĐĐ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G xác định, phần đất tranh chấp với diện tích nêu trên vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Do đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai và đất không thuộc đối tượng quy hoạch, thu hồi. Nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn L và các nguyên đơn về việc có yêu cầu anh Phương Cao B và chị Nguyễn Kim O trả phần đất diện tích 50,8m² thuộc thửa số 579 tờ bản đồ số 05 đất có vị trí như sau:

H: Giáp đất ông Ngô Thanh S dài 2.0m

Hướng Tây: Giáp đất ông Phan Văn T5 dài 3.0m

Hướng Nam: Giáp đất anh B + ông H dài 7.0m + 7.3m + 0.8m + 4.5m

Hướng Bắc: Giáp đất ông Trần Văn D1 dài 19.3m.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn L về việc yêu cầu anh Phương Cao B và chị Nguyễn Kim O bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 5.500.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông L và các nguyên đơn có nghĩa vụ chịu tiền án phí về tranh chấp đất đai 300.000 đồng và phần tiền án phí yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông L 300.000 đồng. Do ông L và các nguyên đơn là thân nhân của người có công với cách mạng và có đơn xin được miễn tiền án phí nên miễn tiền án phí cho ông Phan Văn L và các nguyên đơn. Ông L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003639

ngày 24/6/2021 được nhận lại tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng; lãi suất trong giai đoạn thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn ông Phan Văn L kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L giữ nguyên kháng cáo theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị một phần đối với Bản án sơ thẩm số 130/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng buộc các nguyên đơn ông Phan Văn L, Phan Văn P, Phan Mỹ D, Phan Văn H, Phan Thị T, Phan Văn Q cùng phải chịu án phí dân sự về tranh chấp quyền sử dụng đất (không có giá ngạch) số tiền 300.000 đồng và cùng phải chịu án phí dân sự yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 300.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn L, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 130/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phan Văn L và quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu trong thời hạn luật

định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Phan Văn L yêu cầu vợ chồng anh B trả lại diện tích theo đo đạc thực tế là 50,8m² đất tại ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và yêu cầu bồi thường thiệt hại 5.500.000đ do vợ chồng anh B tháo dỡ căn chòi (do ông L dựng chòi trên đất tranh chấp) để ngăn chặn chờ giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của ông Phan Văn L:

[3.1] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2022 (bút lục 83-84) và bản hiện trạng khu đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (bút lục 93), thể hiện phần đất tranh chấp có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông: Giáp đất ông Ngô Thanh S dài 2.0m

Hướng Tây: Giáp đất ông Phan Văn T5 dài 3.0m

Hướng Nam: Giáp đất anh B + ông H dài 7.0m + 7.3m + 0.8m + 4.5m

Hướng Bắc: Giáp đất ông Trần Văn D1 dài 19.3m.

Hiện trạng trên phần đất tranh chấp có một phần căn nhà của gia đình anh Phương Cao B.

[3.2] Xét yêu cầu của các nguyên đơn đòi bị đơn giao trả quyền sử dụng đất, xét thấy:

- Về nguồn gốc đất, ông L xác định đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha, mẹ ông L là cụ Phan Văn T5 và cụ Trương Thị M để lại cho ông L và được các anh chị em của ông L ủy quyền cho ông. Đối với đất anh B có được do ông Phan Văn H (em ruột của ông L) bán cho anh B, chỉ chuyển nhượng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần ngoài giấy là không có chuyển nhượng.

Bị đơn anh B cho rằng, đất tranh chấp do vợ chồng anh B nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn D1, ngoài chuyển nhượng của ông D1 thì năm 2008 – 2009 vợ chồng anh B có nhận chuyển nhượng của ông Trương Minh H2 ngang 4,5m dài đến ranh đất của ông Trần Văn D1, năm 2017 chuyển nhượng của ông Huỳnh N diện tích ngang giáp Quốc lộ A là 07m dài giáp ranh đất của ông Trần Văn D1.

Như vậy các bên đương sự không thống nhất với nhau về nguồn gốc đất tranh chấp.

- Xét thấy lời khai của ông L có sự mâu thuẫn và không thống nhất nhau, Đơn khởi kiện và biên bản hòa giải ngày 03/4/2023 ông khai đất của cha mẹ chết để lại và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cha ông là cụ T5 năm 2004, năm 2007 chuyển nhượng cho ông H2 ngang khoảng 17m và tặng cho

ông H ngang khoảng 14m, chiều dài dự định hết đất giáp ông D1 phía sau nhưng ông D1 không chịu ký giáp ranh nên cụ T5 chưa lại phần đất mà hiện nay tranh chấp, khi tách sổ cho ông H2 và ông H thì không tách hết mà chưa phần đất tranh chấp hiện nay. Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2023 ông L khai: “Phần đất tranh chấp trước đây là đất trống nhưng do ông H là người quản lý, sử dụng. Đến khi ông H chuyển nhượng cho anh B thì chỉ chuyển nhượng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần ngoài giấy là không có chuyển nhượng.”

- Lời khai của anh B khai phần đất anh có được do vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh N vào năm 2017, diện tích ngang giáp Quốc lộ A là 07m dài giáp ranh đất của ông Trần Văn D1 và khoảng năm 2008 – 2009 vợ chồng anh nhận chuyển nhượng của ông Trương Minh H2 ngang 4,5m dài đến ranh đất của ông Trần Văn D1. Lời khai của anh B phù hợp với Giấy chuyển nhượng đất lập ngày 16/5/2009 giữa ông Phan Văn H và ông Huỳnh N thể hiện như sau: Nam giáp Quốc lộ A, Bắc giáp ông Trần Văn D1, Tây giáp Phan Văn H, Đ giáp Phan Văn L. Căn cứ vào biên bản đo đạc cấp giấy ngày 01/6/2009 của ông Phan Văn H thể hiện hướng Bắc giáp đất Trần Văn D1 dài 14,35m, phía Tây giáp đất Trương Minh H2 dài 27,41m + 7,5m. Trong cả hai giấy trên đều thể hiện có ông Phan Văn L là người ký giáp ranh và ký tứ cận. Như vậy, các phần đất anh B nhận chuyển nhượng từ ông H và ông H2 có giáp ranh phần đất ông D1 và ông L cho rằng còn phần đất gia đình ông chưa lại là không phù hợp. Phần đất tranh chấp anh B chuyển nhượng từ ông D1 là có xảy ra trên thực tế, ông D1 thống nhất việc chuyển nhượng đất cho anh B.

Mặt khác, tại Công văn số 876/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 01/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G xác định phần đất tranh chấp do ông Trần Văn D1 đứng tên kê khai đăng ký. Ông L cho rằng đất nêu trên là của cha mẹ ông nhưng cha mẹ ông, bản thân ông cũng như các nguyên đơn khác không thực hiện thủ tục kê khai đăng ký mà phần đất nêu trên do ông Trần Văn D1 kê khai đăng ký và trực tiếp quản lý, sử dụng. Do đó, không có căn cứ xác định đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ T5, các nguyên đơn cũng không chứng minh được có quá trình sử dụng phần đất này, trong khi đó thực tế anh B là người đang trực tiếp sử dụng sau khi nhận chuyển nhượng từ ông D1.

[2.3] Xét yêu cầu của ông Phan Văn L có yêu cầu anh Phương Cao B và chị Nguyễn Kim O bồi thường thiệt hại căn chòi là 5.500.000 đồng. Nhận thấy, ông L cất chòi để ngăn chặn việc xây dựng nhà của vợ chồng anh B, do phần đất đã được vợ chồng anh B nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn D1. Việc ông L xây dựng căn chòi trên đất mục đích là để ngăn cản việc xây dựng nhà của anh B và chỉ phát sinh khi sự việc tranh chấp diễn ra không phải thực hiện việc quản lý, sử dụng đất từ ban đầu, ông L tự ý cất chòi trên phần đất mà ông cho rằng thuộc quyền sử dụng của gia đình ông nhưng không có căn cứ như đã phân tích. Nên,

việc ông L có yêu cầu anh B và chị Phương O1 bồi thường số tiền là 5.500.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Ông L và các nguyên đơn khởi kiện nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.4] Bên cạnh, ông L cho rằng Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do xác định nhân thân đương sự là vợ của ông L không đúng, tổng đạt không hợp lệ. Tuy nhiên, cũng như các nguyên đơn trình bày đây là tài sản của cha, mẹ các nguyên đơn, nên không liên quan đến vợ của ông L. Bà T2 biết và cũng không kháng cáo. Do đó, không cần thiết và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T2.

[2.5] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn L.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát, thấy rằng:

[3.1] Bản án sơ thẩm nhận định do yêu cầu của ông L và các đồng nguyên đơn không được chấp nhận nên ông L và các đồng nguyên đơn có nghĩa vụ chịu tiền án phí về tranh chấp đất đai là 300.000 đồng và phần tiền án phí yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của ông L là 300.000 đồng. Do ông L và các nguyên đơn là thân nhân của người có công với cách mạng và có đơn xin được miễn tiền án phí nên miễn tiền án phí cho ông Phan Văn L và các nguyên đơn.

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định:

“Điều 12. Miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án

1. Những trường hợp sau đây được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí:

Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ”.

Như vậy theo quy định trên thì thân nhân của liệt sĩ mới được xem xét miễn án phí, tuy nhiên hồ sơ vụ án thể hiện bà Trang Thị M1 là mẹ của các nguyên đơn được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất nên chỉ là người có công với cách mạng mà không phải là liệt sĩ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông L và các đồng nguyên đơn là thân nhân của người có công với cách mạng và

có đơn xin được miễn tiền án phí nên miễn tiền án phí cho ông Phan Văn L và các đồng nguyên đơn là không có cơ sở. Đến thời điểm xét xử ông P, ông H và ông Q đủ 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được xem xét chấp nhận miễn án phí đối với tranh chấp quyền sử dụng đất.

[3.2] Đối với án phí sơ thẩm có giá ngạch về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản: Tại đơn khởi kiện (bút lục 32-33), nguyên đơn ông Phan Văn L yêu cầu anh B, chị O1 bồi thường thiệt hại cho cá nhân ông L. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm miễn án phí toàn bộ cho các nguyên đơn và Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị đề nghị buộc các nguyên đơn phải chịu án phí là chưa chính xác. Người phải chịu án phí chỉ có cá nhân nguyên đơn ông Phan Văn L, vì các nguyên đơn khác không có yêu cầu bồi thường này.

[3.3] Vì vậy, có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần án phí theo nhận định trên.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông Phan Văn L và các nguyên đơn phải chịu 1.950.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản (Ông L đã nộp và chi xong).

[5] Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Phan Văn L, bà Phan Mỹ D và bà Phan Thị T mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ông Phan Văn P, ông Phan Văn H, ông Phan Văn Q được miễn nộp án phí.

- Án phí sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phan Văn L phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông Phan Văn L phải chịu 300.000 đồng.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên có căn cứ được chấp nhận một phần như nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 170; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Văn L.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn L, bà Phan Mỹ D, bà Phan Thị T, ông Phan Văn P, ông Phan Văn H, ông Phan Văn Q về việc yêu cầu anh Phương Cao B và chị Nguyễn Kim O trả phần đất diện tích 50,8m² thuộc thửa số 579 tờ bản đồ số 05 đất có vị trí như sau:

H: Giáp đất ông Ngô Thanh S dài 2.0m

Hướng Tây: Giáp đất ông Phan Văn T5 dài 3.0m

Hướng Nam: Giáp đất anh B + ông H dài 7.0m + 7.3m + 0.8m + 4.5m

Hướng Bắc: Giáp đất ông Trần Văn D1 dài 19.3m.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu; Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 01/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Bạc Liêu)

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Văn L về việc yêu cầu anh Phương Cao B và chị Nguyễn Kim O bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Phan Văn L, bà Phan Mỹ D, bà Phan Thị T, ông Phan Văn P, ông Phan Văn H, ông Phan Văn Q phải chịu 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) (Ông L đã nộp và chi xong).

4. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc ông Phan Văn L, bà Phan Mỹ D và bà Phan Thị T mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ông L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003639 ngày 24/6/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí của ông L.

Ông Phan Văn P, ông Phan Văn H, ông Phan Văn Q được miễn nộp án phí.

- Án phí sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phan Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng)

- Án phí phúc thẩm: Ông Phan Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ông L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009302 ngày 21/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu;
- CTHA tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Phan Công Trí